

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						463 024	227 371	252 994			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						45 844	6 622	39 222			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>5 617</i>	<i>5 595</i>	<i>22</i>			
1		ĐẠM HÀ BẮC	22/01	54/01	31/01	QN 1043	CẨM 4B.1	2 400	2 396	4	23/01	HỘ LỚN	MỎN: 2.385,60
2		ĐTTM&DV	20/01	177/01	27/01	PT 2698	BÚN 3B	1 300	1 295	5	23/01	TD	
3		SÔNG HỒNG	23/01	135/01	29/01	BN 1626	BÚN 3B	917	907	10	24/01	TD	GIA HẠN L1
4		KDT HẢI PHÒNG	24/01	209/01	31/01	BN 1856	CẨM 4B.1	1 000	997	3	24/01	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>5 350</i>	<i>1 027</i>	<i>4 323</i>			
1		THAN MIỀN NAM	23/01	205/01	30/01	TRƯỜNG XUÂN 36	BÚN 3B	3 150	681	2 469	RÓT ĐỎ	TD	
2		SÔNG HỒNG	24/01	210/01	31/01	BN 1883	BÚN 3B	1 000	346	654	RÓT ĐỎ	TD	
3		ĐTTM&DV	23/01	207/01	30/01	BN 0766	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>34 877</i>		<i>34 877</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/01	56-B/01		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 450		27 450		HỘ LỚN	
2		XDCN MỎ	23/01	197/01	30/01	BN 1818	BÚN 3B	1 982		1 982		TD	
3		ĐTTM&DV	23/01	201/01	30/01	BN 0758	BÚN 3B	1 250		1 250		TD	
4		XDCN MỎ	24/01	211/01	31/01	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
5		SXTM THAN UÔNG BÍ	25/01	223/01	31/01	NB 8127	CỤC XÔ 1C	1 045		1 045		TD	
6		SÔNG HỒNG	25/01	220/01	31/01	HP 3355	CẨM 4B.1	2 050		2 050		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						243 350	107 120	136 230			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>50 350</i>	<i>50 205</i>	<i>145</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/01	33-B/01		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.10	26 200	26 261	- 61	24/01	HỘ LỚN	CLM: 19.041,79 - KVĐB: 7.218,76
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/01	32/01		GOLDEN STAR	CẨM 6A.1	24 150	23 945	205	23/01	HỘ LỚN	TTHG: 18.068,3 - KVCP: 5.876,6
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>94 200</i>	<i>56 915</i>	<i>37 285</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/01	39-B/01		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.14	23 300	21 590	1 710	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 13.300 - TTHG: 10.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	35-B/01		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600	21 210	4 390	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 15.700 - KVCP: 9.900
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	20/01	46/01		VIỆT THUẬN 235-06	CẨM 5A.14	22 400	14 115	8 285	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 5.000 - TTHG: 3.400 - CLM: 14.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	23/01	58/01		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.14	22 900		22 900		HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - TTHG: 4.900 - CLM: 10.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>98 800</i>		<i>98 800</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	60/01		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000		46 000		HỘ LỚN	TTCO: 25.000 - KVCP: 6.000 - TTHG: 15.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	24/01	61/01		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.10	29 500		29 500		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM: 19.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	63/01		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						37 212	21 593	15 619			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>19 845</i>	<i>19 623</i>	<i>222</i>			
1		ĐẠM HÀ BẮC	22/01	55/01	31/01	TĐ 19-3	CẨM 4A.1	2 300	2 267	33	24/01	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	23/01	59/01	31/01	QN 4113	CẨM 5B.14	1 716	1 679	37	24/01	HỘ LỚN	THAY 51/01
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/01	62/01	31/01	QN 4080	CẨM 5B.14	1 620	1 588	32	25/01	HỘ LỚN	THAY 49/01
4		KDT MIỀN BẮC	22/01	191/01	31/01	HP 6559	CẨM 6A.1	1 636	1 634	2	23/01	PTCB	NGUỒN HL
5		CẦU ĐUÔNG	23/01	204/01	31/01	BN 2668	CẨM 7C	1 200	1 188	12	23/01	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
6		COALIMEX	17/01	59/01	24/01	BN 2228	CỤC 1A	1 000	990	10	23/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
7		THAN MIỀN NAM	23/01	206/01	30/01	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	1 979	1	23/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
8		TRƯỜNG ANH 888	19/01	170/01	26/01	BN 1348	CỤC 1B	993	981	12	24/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
9		V TRACO	21/01	189/01	28/01	BN 1997	CỤC 1B	1 100	1 094	6	24/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
10		KDT HÀ NỘI	18/01	81/01	25/01	BN 1862	CỤC 1A	1 000	977	24	25/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
11		KDT MIỀN BẮC	22/01	193/01	29/01	NB 6487	CỤC 1B	1 000	999	1	25/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
12		VTT	24/01	208/01	31/01	BN 2112	CẨM 8A	1 200	1 187	13	25/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
13		SÔNG HỒNG	25/01	224/01	31/01	QN 4438	CẨM 8A	1 000	992	8	25/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
14		THAN NK TÀU MV ECO CENTURION	19/01	273		CỬA ÔNG 05	TNK (NAM PHI)	2 100	2 069	31	23/01		
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>7 457</i>	<i>1 970</i>	<i>5 487</i>			
1		ĐẠM NINH BÌNH	25/01	64/01	31/01	NB 8812	CẨM 4A.1	3 145		3 145		HỘ LỚN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	25/01	65/01	31/01	QN 4114	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
3		CROMIT	25/01	221/01	31/01	CHÍ THÀNH 68	CẨM 6A.1	2 612	1 970	642	RÓT ĐỎ	PTCB	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>9 910</i>		<i>9 910</i>			
1		SÔNG HỒNG	23/01	78/01	30/01	BN 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
2		ĐTTM&DV	21/01	186/01	28/01	GIA BẢO 68	CỤC 1B	1 550		1 550		TD	NGUỒN TN
3		ĐTTM&DV	21/01	186/01	28/01	GIA BẢO 68	CẨM 8A	1 550		1 550		TD	NGUỒN CS
4		DVVT QUẢNG NINH	22/01	194/01	29/01	BN 1829	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN CS
5		V TRACO	23/01	126/01	30/01	BN 2397	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6		KDT HẢI PHÒNG	23/01	203/01	30/01	BN 2646	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7		HÀNG HẢI VN	25/01	217/01	31/01	BN 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		XDCN MỎ	25/01	222/01	31/01	BN 1879	CỤC 1B	1 060		1 060		TD	NGUỒN ĐN-CS
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>2 300</u>	-	<u>2 300</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>2 300</i>		<i>2 300</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	18/01	42/01	28/01	TĐ 02-TT	CẨM 5B.14	2 300		2 300		HỘ LỚN	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						40 659	35 210	5 449			
		Tàu đã làm hàng						31 555	31 111	444			
1		NHÔM ĐÁK NÔNG	20/01	179	27/01	HOÀNG ANH 688	CẨM 5A.1	2 400	2 238	162	23/01	BAUXIT	
2		NHÔM ĐÁK NÔNG	20/01	179	27/01	HOÀNG ANH 688	CỤC 4A.2	1 850	1 771	79	23/01	BAUXIT	
3		NHÔM LÂM ĐỒNG	25/01	188	31/01	HOÀNG ANH 39	CỤC 4A.2	1 330	1 318	12	25/01	BAUXIT	
4		NHÔM LÂM ĐỒNG	25/01	188	31/01	HOÀNG ANH 39	CẨM 5A.1	1 640	1 636	4	25/01	BAUXIT	
5		KDT MIỀN BẮC	22/01	195	31/01	NB 8077	CẨM 5A.1	2 350	2 344	6	23/01	PTCB	
6		KDT HẢI PHÒNG	23/01	198	31/01	HP 4845	CẨM 6A.1	1 100	1 095	5	23/01	PTCB	
7		KDT MIỀN BẮC	23/01	200	31/01	NB 8177	CẨM 6A.1	2 350	2 338	12	23/01	PTCB	
8		COALIMEX	23/01	196	31/01	VIỆT THUẬN TĐ 06	CẨM 5A.1	3 350	3 346	4	24/01	PTCB	
9		KDT HẢ BẮC	23/01	199	31/01	BN 2789	CẨM 5B.1	2 470	2 462	8	24/01	PTCB	
10		COALIMEX	23/01	202	31/01	HOÀNG ANH 68	CẨM 5B.1	4 030	3 916	114	25/01	PTCB	
11		CROMIT	24/01	212	31/01	QUANG TRUNG 79	CẨM 5B.1	2 200	2 194	6	25/01	PTCB	
12		KDT MIỀN BẮC	25/01	218	31/01	BN 2728	CẨM 6A.1	2 585	2 578	7	25/01	PTCB	
13		KVDB	19/01	171	29/01	CẨM PHẢ 20	CẨM 6A.1	3 900	3 878	22	23/01	CHUYỂN VÙNG	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						9 104	4 099	5 005			
1		KDT MIỀN BẮC	25/01	216	31/01	HP 5806	CẨM 6B.1	5 064	2 506	2 558	RÓT DỖ	PTCB	
2		THAN MIỀN NAM	21/01	188	28/01	TRƯỜNG XUÂN 16	CỤC 1B	1 550	889	661	RÓT DỖ	TD	
3		THAN MIỀN NAM	21/01	188	28/01	TRƯỜNG XUÂN 16	CỤC 6B	1 420	703	717	RÓT DỖ	TD	
4		VTT	24/01	213	31/01	BN 2365	DON 8A	1 070		1 070		TD	
		Tàu đã làm lệnh											
V		TÀU XUẤT KHẨU						53 000	30 000	23 000			
		Tàu đã làm hàng						30 000	30 000				
1		NHẬT BẢN	20/01	03/01/XK		MV HAPPY FOUNDER	CẨM 3B.1	30 000	30 000		24/01		
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						23 000		23 000			
1		INDONESIA	19/01	02/01/XK		MV BOSHI 57	CỤC 5B.2	20 000		20 000			
2		CAMPUCHIA	20/01	04/01/XK		MV NAM SON 16	CỤC 4A.1	3 000		3 000			
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				58 000	26 826	31 174			
		Tàu đã làm hàng						25 000	26 826	-1 826			
1		NAM PHI		CLM		MV ECO CENTURION		25 000	26 826	-1 826	24/01		TTCO: 16.156,18 - KVCP: 10.669,56

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rót trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						33 000		33 000			
1		ÚC		CLM		MV DOUBLE DELIGHT		15 000		15 000			TTCO: 15.000
2		MOZAMBIQUE		CLM		MV MAYFAIR SPIRIT		18 000		18 000			TTCO: 18.000